TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:146/2023/DS-ST.
Ngày: 25-9-2023.
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: bà Đỗ Thị Mộng Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Quốc Toàn.

2. Bà Phạm Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên toà: ông Phan Thành Trung – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: bà Ngô Thị Mỹ Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 241/2022/TLST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 250/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q.

Trụ sở: Tầng 1 và Tầng 2, Tòa nhà S, Phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Hàn Ngọc V, chức danh: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: ông Phan Văn C – Cán bộ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q;

Là người đại diện theo ủy quyền của Giám đốc Trung tâm Quản lý nợ Khách hàng cá nhân - Khối Quản trị rủi ro Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q.

- *Bị đơn:* 1. Bà Trần Thị L, sinh năm 1990.

2. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Số nhà 143, ấp M (Ấp 3), xã L, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, ông C có mặt, bà L và ông K vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản khai, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phan Văn C trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (tên viết tắt VIB) – VIB Huỳnh Thúc Kháng ký với bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn K Hợp đồng tín dụng số 0548.HĐTD.VIB.627.18 ngày 26/07/2018 với nội dụng:

- Số tiền giải ngân: 392.000.000 đồng (bằng chữ: ba trăm chín mươi hai triệu đồng)

- Mục đích giải ngân: thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios;

- Thời hạn vay: 84 tháng từ ngày 28/07/2018 đến ngày 27/07/2025;

- Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9.39%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là: lãi suất cơ sở trong kỳ + biên độ 3.09%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của VIB tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4.09%/năm.

- Hoàn trả khoản vay gốc: vào ngày 28 hàng tháng; mỗi tháng trả 4.667.000 đồng (bốn triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng), tháng cuối trả 4.639.000 đồng (bốn triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn đồng).

- Hoàn trả lãi: vào ngày 28 hàng tháng; kỳ trả nợ đầu tiên: 28/08/2018.

- Trả phí: theo quy định của VIB từng thời kỳ;

- Lãi quá hạn bằng 150 % lãi trong hạn.

VIB đã giải ngân cho bà L và ông K theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 0548.KUNN.VIB.627.18 ngày 27/07/2018 với số tiến 392.000.000 đồng (ba trăm chín mươi hai triệu đồng) theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng nêu trên.

Khoản vay có tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 0548.HĐTC.VIB.627.18 ngày 26/07/2018. Tuy nhiên, VIB không yêu cầu giải quyết đối với tài sản bảo đảm này.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà L và ông K đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Tạm tính đến ngày 25/09/2023, ông bà đã thanh toán cho VIB số tiền là 408.763.702 đồng (bốn trăm lẻ tám triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm lẻ hai đồng), trong đó: gốc là 374.003.400 đồng (ba trăm bảy mươi bốn triệu không trăm lẻ ba nghìn bốn trăm đồng), lãi là 34.760.302 đồng (ba mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi nghìn ba trăm lẻ hai đồng).

Tính đến ngày 25/09/2023, bà L và ông K còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền là 92.231.495 đồng (chín mươi hai triệu hai trăm ba mươi mốt nghìn bốn trăm chín mươi làm đồng), trong đó: nợ gốc là 17.996.600 đồng (mười bảy triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm đồng), nợ lãi trong hạn là 3.458.842 đồng (ba triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn tám trăm bốn mươi hai đồng), nợ lãi quá hạn là 70.776.053 đồng (bảy mươi triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm năm mươi ba đồng).

Nay, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q kính đề nghị Tòa án xem xét giải quyết:

Buộc bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn K phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q ngay một lần toàn bộ nợ gốc và lãi vay tạm tính đến hết ngày 25/09/2023 là 92.231.495 đồng (chín mươi hai triệu hai trăm ba mươi mốt nghìn bốn trăm chín mươi làm đồng), trong đó gồm có: nợ gốc 17.996.600 đồng (mười bảy triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm đồng), nợ lãi trong hạn 3.458.842 đồng (ba triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn tám trăm bốn mươi hai đồng), nợ lãi quá hạn là 70.776.053 đồng (bảy mươi triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm năm mươi ba đồng). Ngoài ra, đề nghị Tòa án buộc bà L, ông K tiếp tục trả lãi, lãi quá hạn cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q kể từ ngày 26/09/2023 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

Tại phiên tòa, ông C trình bày nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 0548.HĐTC.VIB.627.18 ngày 26/7/2018 giữa Bên nhận thế chấp là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q và Bên thế chấp là bà Trần Thị L, ông Nguyễn Văn K. Bà L, ông K đã vi phạm nghĩa vụ thành toán và nợ chuyển qua quá hạn kể từ ngày 28/8/2019. Nguyên đơn đã thông báo cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn không thanh toán nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q đã tuân thủ và thực hiện đúng, đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Bị đơn bà Trần Thị L, ông Nguyễn Văn K không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như không tham gia phiên tòa. Như vậy, bà L, ông K không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Về việc giải quyết vụ án: căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự, các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q.

Buộc bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn K trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền tạm tính đến ngày 25/9/2023 là 92.231.495 đồng (chín mươi hai triệu hai trăm ba mươi mốt nghìn bốn trăm chín mươi lăm đồng) (nợ gốc: 17.996.600 đồng, lãi trong hạn: 3.458.842 đồng, lãi quá hạn: 70.776.053 đồng).

Tiếp tục tính lãi từ ngày 26/09/2023 cho đến khi bà L, ông K thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Theo Hợp đồng tín dụng số 0548.HĐTD.VIB.627.18 ngày 26/7/2018 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q với bà Trần Thị L, ông Nguyễn Văn K, Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 0548.KUNN.VIB.627.18 ngày 27/7/2018 và bản sao chụp Sổ hộ khẩu của bà L, ông K thì tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng số 0548.HĐTD.VIB.627.18 ngày 26/7/2018, bà L, ông K có địa chỉ thường trú tại Số nhà 143, Ấp 3 (hiện nay là ấp M), xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn ông K. Trường hợp ông K thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn bà Trần Thị L, ông Nguyễn Văn K. Bà L và ông K cư trú tại huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Bà L, ông K đã được Tòa án triệu tập hợp L nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông K.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (gọi là Ngân hàng) khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn K có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng số tiền 92.231.495 đồng (chín mươi hai triệu hai trăm ba mươi mốt nghìn bốn trăm chín mươi lăm đồng), trong đó: nợ gốc 17.996.600 đồng (mười bảy triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm đồng), lãi trong hạn 3.458.842 đồng (ba triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn tám trăm bốn mươi hai đồng), lãi quá hạn là 70.776.053 đồng (bảy mươi triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm năm mươi ba đồng).

Căn cứ Ngân hàng khởi kiện là Hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 0548.HĐTD.VIB.627.18 ngày 26/7/2018 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q với bà Trần Thị L, ông Nguyễn Văn K; Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 0548.KUNN.VIB.627.18 ngày 27/7/2018 của bà L, ông K; Phiếu giải ngân ngày 27/7/2018; Bảng tính lãi khách hàng;

[2.2] Theo yêu cầu và căn cứ khởi kiện của Ngân hàng, bà L và ông K không có ý kiến phản đối và không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ khác của vụ án để giải quyết.

[2.3] Xét thấy, bà L và ông K có ký Hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 0548.HĐTD.VIB.627.18 ngày 26/7/2018 và Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 0548.KUNN.VIB.627.18 ngày 27/7/2018 để vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền 392.000.000 đồng (ba trăm chín mươi hai triệu đồng); thời hạn 84 tháng từ ngày 28/7/2018 đến ngày 27/7/2025; lãi suất tại thời

điểm giải ngân là 9.39%/năm, lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là: lãi suất cơ sở trong kỳ + biên độ 3.09%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của VIB tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4.09%/năm; phương thức trả: hoàn trả khoản vay gốc vào ngày 28 hàng tháng, mỗi tháng trả 4.667.000 đồng (bốn triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng), tháng cuối trả 4.639.000 đồng (bốn triệu sáu trăm ba mươi chín nghìn đồng), hoàn trả lãi vào ngày 28 hàng tháng; kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 28/08/2018; lãi quá hạn bằng 150 % lãi trong hạn. Ngày 27/7/2018, Ngân hàng đã giải ngân số tiền nêu trên.

Theo Ngân hàng trình bày quá trình thực hiện hợp đồng, bà L và ông K đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và nợ quá hạn kể từ ngày 28/8/2019. Bà L đã nhận được Thông báo thu hồi, xử lý tài sản bảo đảm tiền vay số 20128.19 ngày 15/01/2019. Hiện bà L và ông K đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 408.763.702 đồng (bốn trăm lẻ tám triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm lẻ hai đồng), trong đó: nợ gốc là 374.003.400 đồng (ba trăm bảy mươi bốn triệu không trăm lẻ ba nghìn bốn trăm đồng), lãi là 34.760.302 đồng (ba mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi nghìn ba trăm lẻ hai đồng) và còn nợ lại số tiền 92.231.495 đồng (chín mươi hai triệu hai trăm ba mươi mốt nghìn bốn trăm chín mươi lăm đồng), trong đó: nợ gốc 17.996.600 đồng (mười bảy triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm đồng), lãi trong hạn 3.458.842 đồng (ba triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn tám trăm bốn mươi hai đồng), lãi quá hạn là 70.776.053 đồng (bảy mươi triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm năm mươi ba đồng). Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu bà L, ông K có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng số tiền này.

[2.4] Từ những nhận định trên, có cơ sở xác định bà L và ông K có vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền là 392.000.000 đồng (ba trăm chín mươi hai triệu đồng) và còn nợ lại Ngân hàng số tiền 92.231.495 đồng (chín mươi hai triệu hai trăm ba mươi mốt nghìn bốn trăm chín mươi lăm đồng), trong đó: nợ gốc 17.996.600 đồng (mười bảy triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm đồng), lãi trong hạn 3.458.842 đồng (ba triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn tám trăm bốn mươi hai đồng), lãi quá hạn là 70.776.053 đồng (bảy mươi triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm năm mươi ba đồng) nên việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà L và ông K có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng số tiền này là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng và Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên được chấp nhận.

[2.5] Đối với việc Ngân hàng yêu cầu bà L và ông K có nghĩa vụ liên đới tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 26/9/2023 cho đến khi trả hết nợ theo Hợp đồng tín dụng nêu trên là phù hợp theo Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.6] Đối với Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 0548.HĐTC.VIB.627.18 ngày 26/7/2018 giữa Bên nhận thế chấp là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q và Bên thế chấp là bà Trần Thị L, ông Nguyễn Văn K, do

các đương sự không yêu cầu giải quyết đối với Hợp đồng này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà L và ông K phải liên đới chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án: 5% của số tiền 92.231.495 đồng (chín mươi hai triệu hai trăm ba mươi mốt nghìn bốn trăm chín mươi lăm đồng) là 4.611.575 đồng (bốn triệu sáu trăm mười một nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q.

Buộc bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn K có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền 92.231.495 đồng (chín mươi hai triệu hai trăm ba mươi mốt nghìn bốn trăm chín mươi lăm đồng), trong đó: nợ gốc 17.996.600 đồng (mười bảy triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm đồng), lãi trong hạn 3.458.842 đồng (ba triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn tám trăm bốn mươi hai đồng), lãi quá hạn là 70.776.053 đồng (bảy mươi triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn không trăm năm mươi ba đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/9/2023) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 0548.HĐTD.VIB.627.18 ngày 26/7/2018 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q với bà Trần Thị L, ông Nguyễn Văn K và Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 0548.KUNN.VIB.627.18 ngày 27/7/2018 của bà L, ông K.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn K phải liên đới chịu án phí là 4.611.575 đồng (bốn triệu sáu trăm mười một nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 1.829.000 đồng (một triệu tám trăm hai mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, L phí Tòa án số 0009043 ngày 02/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Đỗ Thị Mộng Tuyền

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.